Mẫu số 27-HS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/HS-ST.
Ngày: 31-3-2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Xuân Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Mỳ

2. Ông Huỳnh Bình

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Cao Kỷ Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 25/2020/TLST-HS ngày 09 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2020/QĐXXST-HS ngày 19/3/2020 đối với bị cáo:

- **Nguyễn Chí S** (tên thường gọi: X), sinh ngày 02 tháng 7 năm 1991; tại: tỉnh Đồng Nai; Hộ khẩu thường trú: Ấp V, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở hiện nay: Ấp V, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1959 (còn sống) và bà Phạm Thị S, sinh năm: 1960 (còn sống); gia đình bị cáo có 04 chị em. Bị cáo là con thứ ba trong gia đình; bị cáo có vợ tên Lê Thị Mỹ O, sinh năm: 1995, có 01 con sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/12/2019, đến ngày 30/12/2019 chuyển tạm giam cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam Công an huyện Vĩnh Cửu (có mặt).

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án**: Chị Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm: 1989 (vắng mặt)

Trú tại: Ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

* **Người tham gia tố tụng khác**: Ông Cao Đình C – Giám định viên tư pháp về hóa học. Số thẻ: 60009/TP-KTHS cấp ngày 20/01/2018. Nơi cấp: Công an tỉnh Đồng Nai (Không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Chí S, sinh năm 1991 là đối tượng nghiện ma túy. Khoảng 07 giờ 30 phút sáng ngày 22/12/2019, S điều khiển xe mô tô biển số 60T3 – 6958 đến khu vực Ấp B, xã P, huyện C gặp một người tên H (không rõ nhân thân, lý lịch) mua 800.000 đồng ma túy đá để sử dụng. H nhận tiền rồi chỉ S đến cột điện sau cây xăng P lấy ma túy. Khi kiểm tra, S thấy có 05 bịch ma túy nhỏ. S lấy 02 bịch cất vào túi áo trước ngực, 03 bịch ma túy còn lại để vào áo mưa kẹp trên gác ba ga xe mô tô biển số 60T3 – 6958 rồi đi về nhà. Khi đến Ấp S, xã T, huyện C, S dừng xe mô tô nghe điện thoại thì bị Công an xã T, huyện C kiểm tra, phát hiện số ma túy Sang đang cất giữ.

Vật chứng thu giữ:

- 01 xe mô tô biển số 60T3-6958;

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia TA-1034;

- 05 bịch ni long bên trong chứa tinh thể màu trắng nghi ma túy (đã được niêm phong). Tại Kết luận giám định số 1704/KLGĐ-PC09 ngày 27/12/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận: Mẫu tinh thể màu trắng được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 0,6188g loại Methamphetamine.

Xử lý vật chứng:

- Xe mô tô biển số 60T3-6958 đứng tên bà Lê Thị L, sinh năm: 1955, trú tại: ấp T, xã B, huyện C đã cho chị Nguyễn Thị Ngọc A. Chị A cho S mượn sử dụng. Chị A không biết S sử dụng đi mua ma túy, Cơ quan điều tra đã giao trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc A.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia TA-1034 và 0,5918g ma túy, loại Methamphetamine còn lại sau giám định (được niêm phong số 1740/PC09-GĐMT) Cơ quan điều tra chuyển Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu để xử lý theo quy định.

* Cáo trạng số: 27/CT-VKS-KSHS ngày 06 tháng 3 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo Nguyễn Chí S về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu giữ nguyên quan điểm truy tố, không thay đổi, bổ sung, rút quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Nguyễn Chí S từ 12 tháng đến 14 tháng tù.

* Ý kiến tự bào chữa của bị cáo: thống nhất với bản luận tội. Bị cáo không có ý kiến gì thêm.

* Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo rất hối hận về hành vi của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm đoàn tụ với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2]. Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Chí S đã khai và thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản thu giữ vật chứng, kết luận giám định, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Từ đó có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Chí S phạm tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) như Cáo trạng số: 27/CT-VKS-KSHS ngày 06 tháng 3 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai truy tố.

[3]. Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý của nhà nước về ma túy, làm ảnh hưởng đến công tác phòng, chống ma túy ở địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, gây mất an ninh, trật tự trị an. Bị cáo là người đã thành niên, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự nhưng nghiện ma túy, nhận thức được tác hại của ma túy, các chất gây nghiện, hướng thần,...việc mua, bán, tàng trữ các chất này khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép là vi phạm pháp luật, nếu vi phạm sẽ bị trừng trị rất nghiêm khắc nhưng để có ma túy sử dụng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

[4]. Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét:

- Về nhân thân của bị cáo: có nhân thân tốt thể hiện tại thời điểm phạm tội chưa có tiền án, tiền sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình tố tụng, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử áp dụng quy định của pháp luật, xử phạt bị cáo mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5]. Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017): Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 0,5918g ma túy loại Methamphetamine, được niêm phong trong phong bì số 1704/PC09-GĐMT do là vật cấm tàng trữ; trả lại cho bị cáo S 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia TA-1034 do không liên quan đến tội phạm (theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 09/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai). Đối với xe mô tô biển số 60T3-6958 do bà Lê Thị L đứng tên giấy đăng ký. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Nguyễn Thị Ngọc A nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, khoản 1 Điều 22, điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 47 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và tiểu mục 1 mục I phần A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Nguyễn Chí S phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[7]. Đối với đối tượng H là người đã bán ma túy cho bị cáo S. Cơ quan tiến hành tố tụng đã xác minh nhưng chưa xác định được họ, địa chỉ của đối tượng. Do đó, kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật.

[8]. Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 45, 46, 250, 254, 255, 259, 260, 262, khoản 1 Điều 268, khoản 1 Điều 269, các Điều 298, 299, 326, 327, 331, 333, 336, 337, 339 và Điều 509 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 1, Điều 4, khoản 1 Điều 5 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội.

[1]. Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Chí S phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

[2]. Về điều luật áp dụng và hình phạt: căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm đ khoản 1 Điều 32, Điều 38, 50, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 1, Điều 4 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Chí S 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/12/2019. Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Chí S để bảo đảm thi hành án.

[3]. Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng: căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: tịch thu tiêu hủy 0,5918g ma túy, loại Methamphetamine, được niêm phong trong phong bì số 1704/PC09-GĐMT; trả lại cho bị cáo S 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia TA-1034 (theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 09/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai).

[4]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, khoản 1 Điều 22, điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 47 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và tiểu mục 1 mục I phần A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Nguyễn Chí S phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Chí S được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên đến vụ án chị Nguyễn Thị Ngọc A được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Bị cáo (01);
- Người có QLNVLQĐVA (01);
- TAND tỉnh Đồng Nai (01);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai (01);
- VKSND cùng cấp (01);
- Cơ quan điều tra cùng cấp (01);
- Cơ quan THAHS CA H. Vĩnh Cửu (01);
- Chi cục THADS H. Vĩnh Cửu (01);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà
(đã ký)

Võ Xuân Sơn